

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

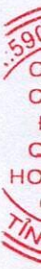
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	4 - 5
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	6 - 31



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.795.395.425	4.761.897.997
110	I. Tiền	4	38.421.752	2.870.177
111	1. Tiền		38.421.752	2.870.177
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.474.456.271	1.809.696.182
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	5	2.474.456.271	1.809.696.182
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.176.264.218	2.818.923.107
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	623.169.322	417.750.366
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	570.183.329	273.032.186
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	982.911.567	2.128.140.555
140	IV. Hàng tồn kho		68.459.694	112.099.302
141	1. Hàng tồn kho	9	68.459.694	112.099.302
160	V. Tài sản ngắn hạn khác		37.793.490	18.309.229
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	10	146.031	288.277
162	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	11	37.634.240	18.016.571
163	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	11	13.219	4.381
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.161.646.224	1.980.713.590
220	I. Tài sản cố định		42.312.166	44.952.203
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	42.312.166	44.952.203
222	Nguyên giá		67.288.023	67.288.023
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(24.975.857)	(22.335.820)
250	II. Tài sản dở dang dài hạn		115.704	-
252	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		115.704	-
260	III. Đầu tư tài chính dài hạn		2.116.181.901	1.932.507.000
261	1. Đầu tư vào công ty con	13	1.617.266.000	1.617.266.000
263	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14	316.391.000	316.391.000
264	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14	(1.150.000)	(1.150.000)
265	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	5	183.674.901	-
270	IV. Tài sản dài hạn khác		3.036.453	3.254.387
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	10	3.036.453	3.254.387
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.957.041.649	6.742.611.587

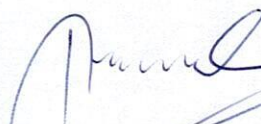
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.967.240.197	5.273.576.507
310	I. Nợ ngắn hạn		3.081.646.497	2.784.428.798
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	454.846.525	542.774.554
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	214.944.254	103.478.410
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	11	2.536.303	6.138
315	4. Phải trả người lao động		799.124	751.026
316	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	31.521.259	28.724.391
320	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	178.029.439	118.026.220
321	7. Vay ngắn hạn	19	2.198.969.593	1.990.668.059
330	II. Nợ dài hạn		1.885.593.700	2.489.147.709
334	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	64.889.878	50.706.125
338	2. Phải trả dài hạn khác	18	206.821.754	1.038.773.927
339	3. Vay dài hạn	19	1.613.882.068	1.399.667.657
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.989.801.452	1.469.035.080
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	20	1.685.000.000	1.685.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.685.000.000	1.685.000.000
420	2. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối	20	304.801.452	(215.964.920)
420a	- Lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(215.964.920)	(410.192.808)
420b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		520.766.372	194.227.888
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.957.041.649	6.742.611.587



Trần Bửu Kiều
Người lập



Nguyễn Đình Tình
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 ("Kỳ này")	Cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("Kỳ trước")
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	910.122.238	282.192.691
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(13.142.648)	(4.903.354)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	896.979.590	277.289.337
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(673.818.555)	(243.487.487)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		223.161.035	33.801.850
22	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	603.790.227	52.561.799
23	7. Chi phí tài chính	23	(165.488.535)	(36.027.419)
24	Trong đó: Chi phí đi vay		(165.053.712)	(35.376.970)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(121.615.397)	(35.839.485)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(5.869.463)	182.601.583
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		533.977.867	197.098.328
31	11. Thu nhập khác	25	390.427	282.112
32	12. Chi phí khác	25	(5.951.166)	(3.152.552)
40	13. Lỗ khác	25	(5.560.739)	(2.870.440)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		528.417.128	194.227.888
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(7.650.756)	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		520.766.372	194.227.888



Trần Bửu Kiều
Người lập


Nguyễn Đình Tình
Kế toán trưởng


Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 ("Kỳ này")	Cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("Kỳ trước")
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		528.417.128	194.227.888
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	12	2.640.037	642.009
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(183.538.764)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(17.418.850)	(4.870.550)
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(585.701.015)	(41.654.166)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu		165.053.712	35.376.970
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		92.991.012	183.387
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		398.043.120	(116.865.567)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		43.639.608	(11.383.863)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(772.982.845)	393.953.690
12	Giảm (tăng) chi phí chờ phân bổ		360.180	(2.397.160)
14	Chi phí đi vay đã trả		(144.515.609)	(26.455.524)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.210.559)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(387.675.093)	237.034.963
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(115.704)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		-	979.112.583
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.344.469.500)
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		12.538	657.883
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(103.166)	(364.699.034)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 ("Kỳ này")	Cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("Kỳ trước")
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		3.404.045.651	226.311.046
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.980.715.817)	(215.973.613)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		423.329.834	10.337.433
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		35.551.575	(117.326.638)
60	Tiền đầu kỳ	4	2.870.177	120.196.815
70	Tiền cuối kỳ	4	38.421.752	2.870.177



Trần Bửu Kiều
Người lập



Nguyễn Đình Tình
Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 7 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") số 5901046432, do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 10 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2025, Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 18 tháng 11 năm 2025.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có hai (2) công ty con trực tiếp và năm (5) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty con				
(1) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(3) Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(4) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(5) Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Phú Quý Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00	99,00
(6) Công ty TNHH Phát triển Nông và Lâm nghiệp Sanamxay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	90,32	90,32
(7) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông và Lâm nghiệp Saysettha	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	90,32	90,32

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là kinh doanh cây ăn trái, vật tư, máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; và dịch vụ nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 39 (Ngày 31 tháng 12 năm 2025: 38).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày trong *Thuyết minh số 1* và *Thuyết minh số 13*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 30 tháng 6 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.6 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp
Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Thông tư 99 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này, Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99 trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại *Thuyết minh số 28*.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, các khoản cho vay, và các công cụ tài chính khác có bản chất tương tự. Công ty theo dõi chi tiết từng khoản đầu tư theo từng đối tượng phát hành, kỳ hạn và loại tiền tệ, và phân loại các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn vào tài sản ngắn hạn hoặc tài sản dài hạn dựa trên kỳ hạn còn lại tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu từ lãi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích, phù hợp với thời gian nắm giữ và lãi suất thực tế của từng khoản đầu tư.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá cuối kỳ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khi có bằng chứng khách quan cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị. Mức dự phòng được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và giá trị có thể thu hồi ước tính tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản trích lập dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính, khi nguyên nhân dẫn đến việc trích lập dự phòng không còn, Công ty hoàn nhập phần dự phòng tương ứng và ghi giảm chi phí tài chính.

Khi khoản đầu tư đến ngày đáo hạn hoặc được thanh lý trước hạn, Công ty ghi giảm giá trị khoản đầu tư và ghi nhận lãi hoặc lỗ là phần chênh lệch giữa giá trị thuần thu được và giá trị ghi sổ (sau khi đã trừ dự phòng tổn thất, nếu có) tại thời điểm thanh lý.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị quản lý	5 - 24 năm

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn hay dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Vốn góp cổ phần*

Cổ phần phổ thông

Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện, trừ đi các khoản giảm giá, chiết khấu và các khoản thuế không hoàn lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.16 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Tiền gửi ngân hàng	38.418.998	2.837.715
Trong đó:		
Ngân Hàng TMCP Bảo Việt	4.529.927	15.923
Ngân hàng TMCP Phương Đông	33.238.059	820.229
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	259.027	208.169
Ngân hàng khác	391.985	1.793.394
Tiền mặt	2.754	32.462
TỔNG CỘNG	38.421.752	2.870.177

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)
Ngắn hạn		
Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ("HTKD")	1.178.000.000	1.178.000.000
Cho vay tổ chức, cá nhân	1.144.382.053	543.173.022
Lãi từ Hợp đồng HTKD	107.099.658	39.921.384
Lãi cho vay các tổ chức, cá nhân	44.974.560	48.601.776
	2.474.456.271	1.809.696.182
Dài hạn		
Cho vay tổ chức, cá nhân	176.976.212	-
Lãi cho vay các tổ chức, cá nhân	6.698.689	-
	183.674.901	-
TỔNG CỘNG	2.658.131.172	1.809.696.182

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản phải thu ngắn hạn các bên liên quan là 2.474.375.292 ngàn VND và các khoản phải thu dài hạn các bên liên quan là 183.674.901 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Thuyết minh số 27).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu thương mại và dịch vụ	623.169.322	417.750.366

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 539.771.940 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Thuyết minh số 27).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
		Ngàn VND
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	570.183.329	273.032.186
Trả trước cho người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 543.894.889 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Thuyết minh số 27).		

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)
		Ngàn VND
Cần trừ công nợ	282.351.022	1.880.108.846
Phải thu cổ tức từ bên liên quan	696.940.000	246.940.000
Phải thu khác	3.620.545	1.091.709
TỔNG CỘNG	982.911.567	2.128.140.555

Phải thu khác bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 976.843.037 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Thuyết minh số 27).

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
		Ngàn VND
Hàng hóa	67.563.628	111.123.274
Nguyên vật liệu	896.066	976.028
TỔNG CỘNG	68.459.694	112.099.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Ngắn hạn		
Chi phí cải tạo, sửa chữa	80.244	154.939
Công cụ, dụng cụ	53.000	127.514
Khác	12.787	5.824
	146.031	288.277
Dài hạn		
Chi phí cải tạo, sửa chữa	2.459.368	2.649.598
Công cụ, dụng cụ	560.042	584.771
Khác	17.043	20.018
	3.036.453	3.254.387
TỔNG CỘNG	3.182.484	3.542.664

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2026
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	18.016.571	99.996.858	(80.379.189)	37.634.240
Thuế khác	4.381	8.838	-	13.219
TỔNG CỘNG	18.020.952	100.005.696	(80.379.189)	37.647.459
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	1.739.601	(1.739.601)	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.138	572.770	(482.802)	96.106
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.650.756	(5.210.559)	2.440.197
Thuế khác	-	1.910.329	(1.910.329)	-
TỔNG CỘNG	6.138	11.873.456	(9.343.291)	2.536.303

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Ngân VND	Tổng cộng
Nguyên giá						
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2026	36.122.524	29.898.591	1.159.075	107.833		67.288.023
Giá trị khấu hao lũy kế						
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	(10.574.553)	(10.776.526)	(900.909)	(83.832)		(22.335.820)
Khấu hao trong kỳ	(1.258.480)	(1.292.884)	(85.073)	(3.600)		(2.640.037)
Ngày 30 tháng 6 năm 2026	(11.833.033)	(12.069.410)	(985.982)	(87.432)		(24.975.857)
Giá trị còn lại						
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	25.547.971	19.122.065	258.166	24.001		44.952.203
Ngày 30 tháng 6 năm 2026	24.289.491	17.829.181	173.093	20.401		42.312.166



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	1.344.469.500	1.344.469.500
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	272.796.500	272.796.500
TỔNG CỘNG	1.617.266.000	1.617.266.000

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là "Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang")	226.480.000	226.480.000
Công ty Cổ phần Lê Me	88.761.000	88.761.000
Công ty Cổ phần Thể Thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	1.150.000	1.150.000
TỔNG CỘNG	316.391.000	316.391.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.150.000)	(1.150.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	315.241.000	315.241.000

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	454.846.525	542.774.554
Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 15.851.865 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Thuyết minh số 27).		

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Khách hàng thương mại trả tiền trước	214.944.254	103.478.410
Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 207.391.157 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Thuyết minh số 27).		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Chi phí đi vay	92.470.539	76.827.821
Trong đó:		
Chi phí lãi vay ngân hàng	15.534.247	15.534.246
Chi phí lãi vay tổ chức khác	76.936.292	61.293.575
Chi phí hoạt động	3.940.598	2.602.695
TỔNG CỘNG	96.411.137	79.430.516
Trong đó:		
Ngắn hạn	31.521.259	28.724.391
Dài hạn	64.889.878	50.706.125

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả ngắn hạn các bên liên quan là 12.053.018 ngàn VND và các khoản phải trả dài hạn các bên liên quan là 64.290.983 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Thuyết minh số 27).

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Ngắn hạn		
Tiền mượn các công ty và cá nhân	170.753.762	110.979.008
Các khoản khác	7.275.677	7.047.212
	178.029.439	118.026.220
Dài hạn		
Tiền mượn các công ty	206.821.754	1.038.773.927
TỔNG CỘNG	384.851.193	1.156.800.147

Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả ngắn hạn các bên liên quan là 170.753.762 ngàn VND và các khoản phải trả dài hạn các bên liên quan là 204.621.334 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Thuyết minh số 27).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
<i>Ngàn VND</i>		
Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 19.1)	2.169.548.491	1.961.246.957
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (TM số 27)	29.421.102	29.421.102
	2.198.969.593	1.990.668.059
Dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước (TM số 19.2)	986.518.333	987.332.223
Vay dài hạn từ bên liên quan (TM số 27)	619.428.300	400.000.000
Vay dài hạn tổ chức, cá nhân khác	7.935.435	12.335.434
	1.613.882.068	1.399.667.657
TỔNG CỘNG	3.812.851.661	3.390.335.716

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
<i>Ngàn VND</i>		
<i>Tên ngân hàng</i>		
Ngân hàng TMCP Phương Đông - TTKD Hội sở	1.699.998.491	1.299.997.357
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	469.550.000	461.250.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai	-	199.999.600
TỔNG CỘNG	2.169.548.491	1.961.246.957

19.2 Trái phiếu thường trong nước

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS ("OCBS")	Ngày 8 tháng 8 năm 2025	1.000.000.000	Ngày 8 tháng 8 năm 2028
Chi phí phát hành trái phiếu		(13.481.667)	
TỔNG CỘNG		986.518.333	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

		(Lỗ) lợi nhuận lũy kế	Ngàn VND Tổng cộng
Kỳ trước	Vốn cổ phần		
Vào ngày 18 tháng 11 năm 2025	1.685.000.000	(410.192.808)	1.274.807.192
Lợi nhuận trong kỳ	-	194.227.888	194.227.888
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	1.685.000.000	(215.964.920)	1.469.035.080
Kỳ này			
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2026	1.685.000.000	(215.964.920)	1.469.035.080
Lợi nhuận trong kỳ	-	520.766.372	520.766.372
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026	1.685.000.000	304.801.452	1.989.801.452

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Doanh thu	910.122.238	282.192.691
Trong đó:		
Doanh thu trái cây	484.457.686	100.005.479
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	374.156.916	159.961.949
Doanh thu bán heo	39.756.443	6.306.203
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	11.751.193	15.919.060
Các khoản giảm trừ doanh thu	(13.142.648)	(4.903.354)
Giảm giá hàng bán	(13.142.648)	(4.903.354)
Doanh thu thuần	896.979.590	277.289.337
Trong đó:		
Doanh thu trái cây	471.315.038	95.102.126
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	374.156.916	159.961.949
Doanh thu bán heo	39.756.443	6.306.202
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	11.751.193	15.919.060

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Lợi nhuận được chia	450.000.000	-
Lãi cho vay các công ty khác	68.510.203	25.320.024
Lãi từ hợp đồng HTKD	67.178.274	16.330.630
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.089.212	10.907.634
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.538	3.511
TỔNG CỘNG	603.790.227	52.561.799

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn trái cây	364.944.541	66.833.188
Giá vốn bán sản phẩm, hàng hóa	261.783.147	151.981.298
Giá vốn bán heo	37.825.352	17.489.814
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	9.265.515	7.183.187
TỔNG CỘNG	673.818.555	243.487.487

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí đi vay	165.053.712	35.376.970
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	434.823	90.787
Các khoản khác	-	559.662
TỔNG CỘNG	165.488.535	36.027.419

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển	61.819.596	12.491.623
Chi dịch vụ mua ngoài	28.219.129	9.871.911
Chi phí vật tư, bao bì, đóng gói	26.198.228	12.170.350
Chi phí lương nhân viên	2.724.814	658.672
Chi phí khấu hao	2.108.052	514.923
Chi phí khác	545.578	132.006
	121.615.397	35.839.485
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.365.177	270.784
Chi phí lương nhân viên	2.373.428	564.020
Hoàn nhập dự phòng	-	(183.538.764)
Chi phí khác	130.858	102.377
	5.869.463	(182.601.583)
TỔNG CỘNG	127.484.860	(146.762.098)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Thu nhập khác		
Thu nhập từ bán phế liệu	-	282.112
Khác	390.427	-
	390.427	282.112
Chi phí khác		
Lỗ do thanh lý tài sản	2.394.098	-
Các khoản phạt	1.239.806	8.931
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	-	144.646
Khác	2.317.262	2.998.975
	5.951.166	3.152.552
LỖ KHÁC THUẦN	(5.560.739)	(2.870.440)

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

26 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	528.417.128	194.227.888
Các khoản điều chỉnh (giảm) tăng lợi nhuận kế toán trước thuế		
Lợi nhuận từ công ty con	(450.000.000)	-
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	2.993.250	3.004.267
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(17.418.850)	(4.870.550)
Chi phí lãi vay chưa được trừ kỳ trước chuyển sang	13.164.235	(63.716.138)
Các khoản khác	(64.954.777)	(7.168.188)
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(121.477.279)
Thu nhập chịu thuế ước tính	12.200.986	-
Thuế TNDN hiện hành ước tính	2.440.197	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	5.210.559	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	7.650.756	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(5.210.559)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.440.197	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ này và tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG")	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("Đại Thắng")	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang ("Souk Houng")	Công ty con gián tiếp (từ ngày 1 tháng 6 năm 2025)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay ("Khăn Xay")	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven ("Bolaven")	Công ty con gián tiếp
Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Nguyên vật liệu")	Chi nhánh của công ty mẹ
Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Cơ khí")	Chi nhánh của công ty mẹ
Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Chế biến Hoa quả")	Chi nhánh của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy sản Cá tầm Bolaven ("Thủy sản Cá tầm")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cá tầm Bolaven Paksong ("Cá tầm Paksong")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Mang Yang ("Mang Yang")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("Chăn nuôi Gia Lai")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai ("Cà phê HAGL")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai ("Thể thao LPBank HAGL")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì ("Bột mì")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá ("Trà Bá")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu ("Hoàn Thịnh")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên ("Nông nghiệp Tây Nguyên")	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Đông Gia Lai ("Đông Gia Lai")	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ này và tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai ("Phú Quý")	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp và Lâm nghiệp Sanamxay	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông và Lâm nghiệp Saysettha ("Saysettha")	Công ty con gián tiếp

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngân VND</i> <i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Vay	219.428.300
		Mua hàng hóa	119.104.297
		Bán hàng hóa	74.252.193
		Lãi từ HTKD	16.823.082
		Chi phí lãi vay	1.073.914
Công ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cán trừ công nợ	42.101.000
		Mua hàng hóa	15.600.000
		Chi phí lãi vay	15.223.836
		Bán hàng hóa	734.109
		Cung cấp dịch vụ	423.531
		Mua dịch vụ	34.477
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	64.598.213
		Cung cấp dịch vụ	6.746.635
		Mua hàng hóa	1.132.618
		Cán trừ công nợ	146.530
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Lợi nhuận được chia	450.000.000
		Mua hàng hóa	51.752.147
		Bán hàng hóa	46.882.594
		Lãi cho vay	42.475.302
		Cung cấp dịch vụ	777.770
		Cán trừ công nợ	575.606
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	105.464.263
		Mua hàng hóa	88.843.361
		Lãi cho vay	6.632.821
		Cung cấp dịch vụ	1.460.017
		Cán trừ công nợ	784.450
Chi nhánh Cơ khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Chi nhánh của công ty mẹ	Mua hàng hóa	4.266.247
		Bán hàng hóa	3.851.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND Số tiền
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cần trừ công nợ Mua hàng hóa Bán hàng hóa Lãi từ HTKD	846.671.603 52.362.963 37.213.488 18.590.932
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa Mua hàng hóa Cung cấp dịch vụ	19.128.306 15.207.382 2.600
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con trực tiếp	Cần trừ công nợ Lãi từ HTKD Lãi cho vay Chi phí lãi vay	849.960.603 21.499.329 19.057.345 1.458.964
Công ty Cổ phần Thủy sản Cá tầm Bolaven	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi từ HTKD Bán hàng hóa	10.264.932 320.252
Công ty TNHH MTV Cá Tầm Bolaven Paksong	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	2.936.547
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa Lãi cho vay	261.883 344.734

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND Số tiền
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (Thuyết minh số 5)			
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Cho vay Lãi cho vay	1.135.169.688 44.559.621
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con trực tiếp	HTKD Lãi hợp đồng HTKD	377.000.000 29.101.301
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	HTKD Lãi hợp đồng HTKD	326.000.000 32.336.425
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	HTKD Lãi hợp đồng HTKD	295.000.000 30.114.247
Công ty Cổ phần Thủy Sản Cá Tầm Bolaven	Công ty trong cùng Tập đoàn	HTKD Lãi hợp đồng HTKD	180.000.000 15.547.685
Công ty TNHH MTV PTNN Souk Houng Heang	Công ty con gián tiếp	Cho vay Lãi cho vay	9.198.167 348.158
TỔNG CỘNG			<u>2.474.375.292</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND Số tiền
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (Thuyết minh số 5)			
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con gián tiếp	Cho vay Lãi cho vay	176.976.212 6.698.689
TỔNG CỘNG			183.674.901
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)			
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	236.370.543
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	138.198.541
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	93.941.780
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Bán hàng hóa	64.033.998
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	7.227.078
TỔNG CỘNG			539.771.940
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)			
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con gián tiếp	Ứng trước tiền mua hàng hóa	233.349.944
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Công ty trong cùng Tập đoàn	Ứng trước tiền mua hàng hóa	141.896.275
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Ứng trước tiền mua hàng hóa	128.769.102
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Công ty trong cùng Tập đoàn	Ứng trước tiền mua hàng hóa	39.879.568
TỔNG CỘNG			543.894.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Sổ dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)			
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con trực tiếp	Phải thu cổ tức	696.940.000
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cần trừ công nợ	245.694.312
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn	Cần trừ công nợ	20.408.725
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	13.800.000
TỔNG CỘNG			976.843.037
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	15.448.967
Chi nhánh Cơ khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Chi nhánh của công ty mẹ	Mua hàng hóa	402.898
TỔNG CỘNG			15.851.865
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16)			
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn	Tạm ứng mua hàng hóa	157.535.271
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Tạm ứng mua hàng hóa	37.617.961
Chi Nhánh Cơ Khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Chi nhánh của Công ty mẹ	Tạm ứng mua hàng hóa	12.237.925
TỔNG CỘNG			207.391.157
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con trực tiếp	Cần trừ công nợ	143.473.963
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cần trừ công nợ	15.272.010
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông và Lâm nghiệp Saysettha	Công ty con gián tiếp	Cần trừ công nợ	12.007.789
TỔNG CỘNG			170.753.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND Số tiền
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)			
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cần trừ công nợ	143.474.861
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mượn tiền	61.146.473
			204.621.334
TỔNG CỘNG			
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 17)			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con trực tiếp	Chi phí lãi vay	12.046.414
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	6.604
			12.053.018
TỔNG CỘNG			
Chi phí phải trả dài hạn (Thuyết minh số 17)			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	63.217.069
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi phí lãi vay	1.073.914
			64.290.983
TỔNG CỘNG			
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 19)			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con trực tiếp	Vay	29.421.102
Vay dài hạn (Thuyết minh số 19)			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay	400.000.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Vay	219.428.300
			619.428.300
TỔNG CỘNG			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

28. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ này. Chi tiết như sau:

TÀI SẢN	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngàn VND Số đầu năm (được trình bày lại)
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	-	1.809.696.182	1.809.696.182
Phải thu ngắn hạn khác	3.394.663.715	(1.266.523.160)	2.128.140.555

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.


Trần Bửu Kiều
Người lập


Nguyễn Đình Tình
Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 7 năm 2026

